

Số: 697/QĐ-HĐTS

Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh
trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 - Đợt 2 (bổ sung)**

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Giấy chứng nhận 91/2023/GCNDKHD-TCGDNN ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-SKHĐT ngày 12/12/2024 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, sự nghiệp năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025; Quyết định số 546/QĐ-CĐSL ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng trường CĐ Sơn La Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-CĐSL ngày 15/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2025 số 78/BB-HĐTS ngày 28/7/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định và công bố điểm trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025-Đợt 2 (bổ sung) cụ thể như sau:

TT	Tên nghề	Mã ngành/ngành	Tổ hợp môn	Số lượng thí sinh bổ sung	Điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	03	15,75	
2	Organ	5210224	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	03	18,55	
3	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	01	19,05	
4	Hội họa	5210103	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	01	18,35	
5	Thanh nhạc	5210225	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	02	20,35	
6	Tin học ứng dụng	5480205	Toán học-Vật lý- Hóa học	1	18,85	
			Toán học-Khoa học tự nhiên- Ngữ văn	7	18,15	
7	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	Toán học- Sinh học- Hóa học	1	18,95	
			Toán học- Ngữ văn - Khoa học tự nhiên	7	19,05	
8	Quản lý văn hóa	5340436	Toán học- Ngữ văn	4	22,85	
9	Pháp luật	5380101	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	2	18,65	
			Ngữ văn- Toán học- Lịch sử và Địa lý	7	19,15	
10	Quản trị khách sạn	5810201	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	1	19,75	
			Ngữ văn- Toán học- Lịch sử và Địa lý	3	22,75	
11	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Toán học-Vật lý- Hóa học	2	18,15	
			Toán học- Ngữ văn - Khoa học tự nhiên	11	15,75	
12	Văn thư hành chính	5320301	Ngữ văn- Toán học- Lịch sử và Địa lý	4	20.75	

Điều 2. Công nhận danh sách **60** thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 - Đợt 2 (bổ sung) vào học các ngành/ngành tại trường Cao đẳng Sơn La.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 3. Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm công bố điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, hoàn thiện Giấy báo trúng tuyển và nhập học cho thí sinh, phối hợp với các phòng, khoa chuẩn bị tốt việc tiếp sinh.

Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp sinh, sắp xếp lớp học, tổ chức đào tạo theo đúng chương trình, kế hoạch của nhà trường và các quy chế, quy định hiện hành.

Thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm làm thủ tục nhập học và tham gia học tập theo kế hoạch đào tạo của Nhà trường.

Điều 4. Các ông (bà) ủy viên Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Báo cáo);
- Sở GD-ĐT (Báo cáo);
- Ban Giám hiệu (Chỉ đạo);
- Website nhà trường (Đăng tin);
- Như Điều 4 (Thực hiện);
- Lưu: VT, T.TSHN.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đức Long**

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 - ĐỢT 2 (Bổ sung)
(Kèm theo Quyết định số 697/QĐ-HĐTS 29/7/2025 của Chủ tịch HĐ tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ			
												Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh	
I	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (DGDТ)														
1	Lừ Quỳnh	Như	29/12/2011	Nữ	Thái	8/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDТ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,65		15,75	Bản Giôn	Xã Mường Giôn	Tỉnh Sơn La
2	Tòng Thị Kim	Huệ	28/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDТ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,75		15,75	Bản Pàn	Mường Chùm	Tỉnh Sơn La
3	Mè Thiên	Hương	28/9/2013	Nữ	Thái	6/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDТ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	21,75		15,75	Xóm 8	Xã Quỳnh Nhai	Tỉnh Sơn La
II	Organ														
1	Lường Thanh	Bình	05/11/2010	Nam	Thái	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	19,45		18,55	Bản Mòn 1	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
2	Hà Duy	Khang	21/02/2011	Nam	Thái	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	18,65		18,55	Bản Mòn 1	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
3	Cà Văn	Huy	21/12/2009	Nam	Thái	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	18,55		18,55	Bản Pọng	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
III	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống														
1	Vừ Lệ	Quyên	06/03/2009	Nữ	Mông	10/12	5210216	Biểu diễn nhac cụ truyền thống	Toán học- Ngữ văn-Năng khiếu	19,05		19,05	Bản Ten Ư	Xã Chiềng Sơ	Tỉnh Sơn La
IV	Hội họa														
1	Tòng Việt	Cường	13/08/2010	Nam	Thái	9/12	5210103	Hội họa	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	18,35		18,35	Bản Thảm Mạy	Phường Chiềng Sinh	tỉnh Sơn La
V	Thanh Nhạc														
2	Phạm Khánh	Hung	14/02/2008	Nam	Thái	11/12	5210225	Thanh nhạc	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,40		20,35	Tổ 3	Phường Tô Hiệu	Tỉnh Sơn La
1	Sòng Thị	Vân	24/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5210225	Thanh nhạc	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	20,35		20,35	Bản Pắc Ngần	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
VI	Tin học ứng dụng														
1	Vàng Xuân	Đoàn	16/12/2009	Nam	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học - Vật lý - Hoá học		18,85	18,85	Bản Hua Pư	Xã Chiềng Nơi	Tỉnh Sơn La
2	Nguyễn Cảnh Đức	Trí	23/10/2010	Nam	Kinh	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN-Ngữ văn	19,05	18,15	18,15	Tổ 6	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
3	Doãn Thế	Phong	16/11/2010	Nam	Kinh	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN-Ngữ văn	18,75	18,15	18,15	Tổ 5	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
4	Hoàng Anh	Bảo	16/11/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN-Ngữ văn	18,65	18,15	18,15	Bản Đán	Xã Yên Sơn	Tỉnh Sơn La
5	Tòng Văn	Công	17/08/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN-Ngữ văn	18,55	18,15	18,15	Bản Nà Hạ 1	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
6	Hoàng Duy	Khánh	20/8/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn	18,55	18,15	18,15	Bản Nà Viên	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
7	Tòng Khánh	Huy	02/9/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn	18,45	18,15	18,15	Bản Nà Sang	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
8	Nguyễn Việt	Anh	12/11/2010	Nam	Kinh	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn	18,15	18,15	18,15	Tiểu khu 21	Thị trấn Hát Lót	Tỉnh Sơn La
VII	Trồng trọt và bảo vệ thực vật														
1	Lèo Công	Phước	05/4/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,25	19,05	Bản Mòng	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
2	Tòng Văn	Quyển	20/11/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,15	19,05	Bản Kẹ Nhừn	Xã Chiềng Mung	tỉnh Sơn La
3	Hoàng Quốc	Huy	24/10/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,05	19,05	Bản Khoa	Xã Chiềng Chung	Tỉnh Sơn La
4	Hà Đức	Văn	30/03/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,75	19,05	Bản Mé	Xã Chiềng Chung	Tỉnh Sơn La
5	Lường Thị Thu	Huyền	03/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,65	19,05	Tổ Tông Pọng	Xã Tân An	Tỉnh Sơn La
6	Quàng Văn	Diện	04/02/2010	Nam	Khơ mú	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,65	19,05	Bản Hua Nà	Xã Phiêng Cắm	Tỉnh Sơn La
7	Hà Văn	Minh	06/5/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,05	19,05	Bản Khoáng Biên	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
8	Hà Đại	Siêu	17/05/2009	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và BVTV	Toán học - Hóa học- Sinh học	18,95		18,95	Bản Mờn 2	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
VIII	Quản lý văn hóa														
1	Lò Ngọc	Diệp	24/06/2010	Nữ	Xinh mun	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		23,25	22,85	Bản Phát	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
2	Lò Thị	Thương	23/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		23,15	22,85	Bản Đúc Hản	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
3	Hà Quỳnh	Ngọc	10/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		23,05	22,85	Bản Vặt Bon	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
4	Quàng Đức	Nguyên	18/12/2010	Nam	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		22,85	22,85	Bản Nẹ Tờ	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
IX	Pháp Luật														
1	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	31/05/2010	Nữ	Kinh	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		20,95	19,15	Bản Dăm Hoa	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
2	Mùa Thị	Nhạ	01/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		20,35	19,15	Bản Huổi Thùng	Xã Phiêng Cắm	Tỉnh Sơn La
3	Trần Thùy	An	18/12/2010	Nữ	Kinh	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		20,35	19,15	Tổ 2	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
4	Vừ A	Chứ	15/2/2010	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		20,05	19,15	Bản Nà Lý	Xã Chiềng Sơ	Tỉnh Điện Biên
5	Mùa Tiểu	Thiên	26/02/2009	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		19,95	19,15	Bản Tong Tãi A	Xã Nà Bó	Tỉnh Sơn La
6	Hờ A	Pó	25/02/2010	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		19,85	19,15	Bản Sơn Tra	Xã Nà Bó	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
												Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
1	Cà Văn Quốc	10/5/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		22,35	20,75	Bản Hịa	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
2	Hoàng Duy Khánh	16/10/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		21,45	20,75	Bản Thống Nhất	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
3	Sông Thị Mai	07/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		20,75	20,75	Bản Huổi Thùng	Xã Phiêng Cằm	Tỉnh Sơn La
4	Cầm Thị Thảo My	19/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn- Lịch sử và Địa lý		20,75	20,75	Bản Lắm Cút	Xã Mường Bon	Tỉnh Sơn La

(Danh sách trên có 60 thí sinh)